Chi tiết mã HS 4010.35.00

Mã HS	4010.35.00
Mô tả hàng hóa	Băng tải hoặc đai tải hoặc băng truyền (dây cu roa) hoặc đai truyền, bằng cao su lưu hóa / - Băng truyền hoặc đai truyền: / - - Băng truyền đồng bộ liên tục, có chu vi ngoài trên 60 cm nhưng không quá 150 cm
Đơn vị	kg/chiếc
Thời điểm tạo	31/10/2026 05:38:08
Phiên bản dữ liệu	2026.04.05 – BIEU THUE XNK 2026.04.05.xlsx
Trạng thái xác minh	Dữ liệu biểu thuế đối chiếu file nguồn; khuyến cáo/mapping là thông tin định hướng; điều kiện FTA chưa xác minh.
Liên kết	https://vietnamtariff.com/hs-code/40103500/

Thuế áp dụng năm 2026

Biểu thuế	Giá trị gốc	Thuế suất	Văn bản	hiệu lực	Nguồn
Thuế NK thông thường	7.5	7,5%	15/2023/QĐ-TTg	2023-07-15	BT2026!K6439
Thuế NK ưu đãi (MFN)	5	5%	26/2023/NĐ-CP	2023-07-15	BT2026!N6439
Thuế GTGT (VAT)	8/10	8 / 10 (nhiều mức)	181/2025/NĐ-CP	2025-07-01	BT2026!Q6439
Thuế tiêu thụ đặc biệt		Không có dữ liệu			
Thuế bảo vệ môi trường		Không có dữ liệu			
Thuế xuất khẩu		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi CPTPP		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi EVFTA		Không có dữ liệu			
Thuế XK ưu đãi UKVFTA		Không có dữ liệu			

Thuế suất ưu đãi đặc biệt (FTA) – 2026

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
AANZFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AANZ	121/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
ACFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	E	118/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AHKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	AHK	123/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AIFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/01/2026 - 31/12/2026	AI	122/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AJCEP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	AJ	120/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
AKFTA	0(-LA, MM, MY)	0% (trừ LA, MM, MY)	Biểu tổng hợp BT2026	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)	AK	119/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
ATIGA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	D	126/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
CPTPP	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	(VI)	CPTPP	115/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
EVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	116/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục A)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục B)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục C)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục D)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục E)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
RCEP (Phụ lục F)	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	RCEP Form / Declaration of origin	129/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
UKVFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EUR.1	117/2022/NĐ-CP	Thuế suất %

FTA	Giá trị gốc	Thuế suất	Căn cứ dữ liệu	Kỳ	Chứng từ xuất xứ	Văn bản	Trạng thái
VCFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VC	112/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VJEPA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	01/4/2026 - 31/3/2027	JV · Form VJ	124/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VKFTA	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	VK	125/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-EAEU	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	EAV	113/2022/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-LAO	0	0%	Biểu tổng hợp BT2026		S	206/2025/NĐ-CP	Thuế suất %
VIFTA	2.9	2,9%	Biểu tổng hợp BT2026	2026	Form VI (verify)	131/2024/NĐ-CP	Thuế suất %
VN-CAM		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		S	56/2026/NĐ-CP	Không có dữ liệu
VNCU		Không có dữ liệu	Không có dữ liệu		VNCB · Form VC (Cuba)	114/2022/NĐ-CP	Không có dữ liệu

Lịch sử / lộ trình thuế suất theo năm

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
ACFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AC!E6233
ATIGA	2022	2022	0	AT!E6194
ATIGA	2023	2023	0	AT!F6194
ATIGA	2024	2024	0	AT!G6194
ATIGA	2025	2025	0	AT!H6194
ATIGA	2026	2026	0	AT!I6194
ATIGA	2027	2027	0	AT!J6194
AJCEP	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	AJ!E6238
AJCEP	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	AJ!F6238
AJCEP	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	AJ!G6238

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
AJCEP	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	AJ!H6238
AJCEP	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	AJ!I6238
AJCEP	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	AJ!J6238
VJEPA	30/12/2022 - 31/3/2023	2022	0	VJ!E6236
VJEPA	01/4/2023 - 31/3/2024	2023	0	VJ!F6236
VJEPA	01/4/2024 - 31/3/2025	2024	0	VJ!G6236
VJEPA	01/4/2025 - 31/3/2026	2025	0	VJ!H6236
VJEPA	01/4/2026 - 31/3/2027	2026	0	VJ!I6236
VJEPA	01/4/2027 - 31/3/2028	2027	0	VJ!J6236
AKFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AK!F6244
AANZFTA	2022 - 2027 (một mức cho cả giai đoạn)		0	AANZ!H6200
AIFTA	30/12/2022	2022	0	AI!F6196
AIFTA	31/12/2022 - 30/12/2023	2023	0	AI!G6196
AIFTA	31/12/2023 - 30/12/2024	2024	0	AI!H6196
AIFTA	31/12/2024 - 31/12/2025	2025	0	AI!I6196
AIFTA	01/01/2026 - 31/12/2026	2026	0	AI!J6196
AIFTA	01/01/2027 - 31/12/2027	2027	0	AI!K6196
VKFTA	2022	2022	0	VK!E6220
VKFTA	2023	2023	0	VK!F6220
VKFTA	2024	2024	0	VK!G6220
VKFTA	2025	2025	0	VK!H6220
VKFTA	2026	2026	0	VK!I6220
VKFTA	2027	2027	0	VK!J6220
VCFTA	2022	2022	0	VC!D6262
VCFTA	2023	2023	0	VC!E6262
VCFTA	2024	2024	0	VC!F6262

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
VCFTA	2025	2025	0	VC!G6262
VCFTA	2026	2026	0	VC!H6262
VCFTA	2027	2027	0	VC!I6262
VN-EAEU	2022	2022	0	EAV!D6247
VN-EAEU	2023	2023	0	EAV!E6247
VN-EAEU	2024	2024	0	EAV!F6247
VN-EAEU	2025	2025	0	EAV!G6247
VN-EAEU	2026	2026	0	EAV!H6247
VN-EAEU	2027	2027	0	EAV!I6247
AHKFTA	2022	2022	0	AKH!D6250
AHKFTA	2023	2023	0	AKH!E6250
AHKFTA	2024	2024	0	AKH!F6250
AHKFTA	2025	2025	0	AKH!G6250
AHKFTA	2026	2026	0	AKH!H6250
AHKFTA	2027	2027	0	AKH!I6250
EVFTA	2022	2022	0	EV-NK!D6235
EVFTA	2023	2023	0	EV-NK!E6235
EVFTA	2024	2024	0	EV-NK!F6235
EVFTA	2025	2025	0	EV-NK!G6235
EVFTA	2026	2026	0	EV-NK!H6235
EVFTA	2027	2027	0	EV-NK!I6235
UKVFTA	2022	2022	0	UKV!D6237
UKVFTA	2023	2023	0	UKV!E6237
UKVFTA	2024	2024	0	UKV!F6237
UKVFTA	2025	2025	0	UKV!G6237
UKVFTA	2026	2026	0	UKV!H6237

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
UKVFTA	2027	2027	0	UKV!I6237
CPTPP	(I)	2021 (DERIVED)	0	CPTPP!D6222
CPTPP	(II)	2022 (DERIVED)	0	CPTPP!E6222
CPTPP	(III)	2023 (DERIVED)	0	CPTPP!F6222
CPTPP	(IV)	2024 (DERIVED)	0	CPTPP!G6222
CPTPP	(V)	2025 (DERIVED)	0	CPTPP!H6222
CPTPP	(VI)	2026 (DERIVED)	0	CPTPP!I6222
CPTPP	(VII)	2027 (DERIVED)	0	CPTPP!J6222
RCEP A	2022	2022	0	RCEPT-A!D6240
RCEP A	2023	2023	0	RCEPT-A!E6240
RCEP A	2024	2024	0	RCEPT-A!F6240
RCEP A	2025	2025	0	RCEPT-A!G6240
RCEP A	2026	2026	0	RCEPT-A!H6240
RCEP A	2027	2027	0	RCEPT-A!I6240
RCEP B	2022	2022	0	B!D6240
RCEP B	2023	2023	0	B!E6240
RCEP B	2024	2024	0	B!F6240
RCEP B	2025	2025	0	B!G6240
RCEP B	2026	2026	0	B!H6240
RCEP B	2027	2027	0	B!I6240
RCEP C	2022	2022	0	C!D6240
RCEP C	2023	2023	0	C!E6240
RCEP C	2024	2024	0	C!F6240
RCEP C	2025	2025	0	C!G6240
RCEP C	2026	2026	0	C!H6240
RCEP C	2027	2027	0	C!I6240

FTA	Kỳ	Năm	Giá trị gốc	Nguồn
RCEP D	2022	2022	0	D!D6240
RCEP D	2023	2023	0	D!E6240
RCEP D	2024	2024	0	D!F6240
RCEP D	2025	2025	0	D!G6240
RCEP D	2026	2026	0	D!H6240
RCEP D	2027	2027	0	D!I6240
RCEP E	2022	2022	0	E!D6243
RCEP E	2023	2023	0	E!E6243
RCEP E	2024	2024	0	E!F6243
RCEP E	2025	2025	0	E!G6243
RCEP E	2026	2026	0	E!H6243
RCEP E	2027	2027	0	E!I6243
RCEP F	2022	2022	0	F!D6240
RCEP F	2023	2023	0	F!E6240
RCEP F	2024	2024	0	F!F6240
RCEP F	2025	2025	0	F!G6240
RCEP F	2026	2026	0	F!H6240
RCEP F	2027	2027	0	F!I6240
VIFTA	2024	2024	4,3	VI!F5777
VIFTA	2025	2025	3.6	VI!G5777
VIFTA	2026	2026	2.9	VI!H5777
VIFTA	2027	2027	2.1	VI!I5777

Khuyến cáo & cảnh báo

Mã rủi ro	Mức	Tên rủi ro	Mô tả	Dữ liệu liên quan	Căn cứ pháp lý	Khuyến nghị	Trạng thái xác minh

DOC-004	YELLOW	Chính sách mặt hàng khác	DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)		42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT	Đọc văn bản được dẫn chiếu.	Văn bản dẫn chiếu trong file nguồn; chưa xác minh hiệu lực
OR-001	YELLOW	Chưa có nước xuất xứ	Chưa thể đánh giá FTA khi chưa có nước xuất xứ.			Nhập nước xuất xứ để so sánh các biểu thuế ưu đãi đặc biệt.	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TAX-001	YELLOW	Nhiều mức thuế GTGT	Cột VAT ghi “8/10”.		181/2025/NĐ-CP	Xác định mức VAT theo bản chất hàng hóa và quy định giảm thuế (174/2025/NĐ-CP, Phụ lục I/II).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
TR-004	GRAY	Not Assessed – Additional Regulatory Verification Required	File nguồn không ghi nhận biện pháp phòng vệ thương mại cho mã 4010.35.00. Điều này KHÔNG có nghĩa là không có rủi ro.			Kiểm tra cơ sở dữ liệu phòng vệ thương mại của Bộ Công Thương (Cục Phòng vệ thương mại).	Chưa xác minh – cần kiểm tra
DQ-001	GREEN	Thuế MFN có trong biểu nguồn	Thuế suất MFN 5% của mã 4010.35.00 được đối chiếu với BT2026 (ô BT2026!N6439), căn cứ 26/2023/NĐ-CP.		26/2023/NĐ-CP	Phạm vi xác minh: đối chiếu với file nguồn phiên bản 2026.04.05, không thay thế văn bản pháp luật.	Đã đối chiếu với file biểu thuế nguồn

Chính sách mặt hàng

Chính sách mặt hàng
DM HH mua bán, trao đổi qua cửa khẩu phụ, lối mở biên giới của thương nhân (42/2019/TT-BCT, 33/2025/TT-BCT)

Báo cáo mang tính tham khảo, được tạo tự động từ dữ liệu biểu thuế nguồn và quy tắc khuyến cáo. Đây không phải quyết định của cơ quan hải quan, không xác nhận mã HS, điều kiện hưởng FTA hay hiệu lực pháp lý. Người dùng chịu trách nhiệm đối chiếu văn bản pháp luật hiện hành.